

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 167/TTr-STNMT ngày 04/4/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đỗ Kha, địa chỉ trụ sở chính tại lô 13 cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Xây dựng xưởng sản xuất cơ khí và nhà xưởng cho thuê” tại lô 13 cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Xây dựng xưởng sản xuất cơ khí và nhà xưởng cho thuê.

1.2. Chủ cơ sở: Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đỗ Kha

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô 13 cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 2400282514 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/8/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09/12/2022.

Giấy chứng nhận đầu tư số: 20221000094 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 06/02/2012.

1.5. Mã số thuế: 2400282514

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất máy cơ khí nông nghiệp
- Cho thuê nhà xưởng.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại lô 13 cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với diện tích sử dụng 19.440m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Máy cơ khí nông nghiệp: 2.600 sản phẩm;

+ Nhà xưởng cho thuê: 8.352 m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đỗ Kha được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đỗ Kha có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đỗ Kha có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 02/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Xưởng sản xuất cơ khí và nhà xưởng cho thuê” tại lô số 13, cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang do Công ty cổ phần cơ khí Đỗ Kha (nay là Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đỗ Kha) làm Chủ cơ sở và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Xây dựng xưởng sản xuất cơ khí và nhà xưởng cho thuê” tại lô 13 cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang của Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đỗ Kha được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1185/QĐ-TNMT ngày 17/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đỗ Kha được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Yên Dũng, UBND xã Nội Hoàng, Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đỗ Kha và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ cơ sở (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / 4 /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở (gồm nước thải sinh hoạt của Công ty CP Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ Đỗ Kha và các đơn vị thuê nhà xưởng) sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm của cơ sở đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đấu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Nội Hoàng do Công ty cổ phần thép Việt Úc (*chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp*) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (*Theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải ngày 27/9/2023 và Biên bản thoả thuận về việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật chung tại cụm công nghiệp Nội Hoàng giữa Công ty cổ phần thép Việt Úc và Công ty CP Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ Đỗ Kha*), sau đó thải ra nguồn tiếp nhận; cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 12 khu vệ sinh được thu gom về 02 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 80m<sup>3</sup> (40m<sup>3</sup>/bể) để xử lý sơ bộ sau đó theo đường ống PVC D90 và D110 với tổng chiều dài khoảng 380m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm của cơ sở để xử lý.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) → Bể gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng (*Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B*) → Hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Nội Hoàng, huyện Yên Dũng.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý sinh học
- Công suất thiết kế: 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dinh dưỡng Methanol/Mật rỉ đường: 50

kg/tháng; Hoá chất khử trùng Clorine: 5kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

*1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố*

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

*1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố*

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác: Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục. Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải xảy ra như: 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện... sẽ ứng phó kịp thời như sau:

+ Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình.

+ Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì còn lại sẽ lại việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa. Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được khống chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

- Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay

không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau:

- + Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không.
- + Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không.
- + Trang bị 2 máy bơm, vừa để sử dụng dự phòng trong trường hợp máy bơm chính gặp sự cố, vừa để bơm kết hợp với máy bơm chính trong trường hợp cần bơm với lưu lượng lớn hơn.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống, công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 5/2024 - 7/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)
1	pH	-	5,5 đến 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Tổng nitơ	mg/l	40
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
7	Sunfua	mg/l	0,5
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000

### 2.3 Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
----	-----------------	-------------------	------------------	-------------------

1	01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể gom) của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	pH, BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C), COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy mẫu đơn 1 lần. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày: 15/5/2024	QCVN 40: 2011/BTNMT cột B
2	01 vị trí tại hố ga quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	khoáng; Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nitơ; Coliform.	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến lấy mẫu như sau - Lần 1: Ngày 15/5/2024 - Lần 2: Ngày 16/5/2024 - Lần 3: Ngày 17/5/2024	

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Nội Hoàng, huyện Yên Dũng. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

#### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:** 01 nguồn

01 nguồn phát sinh bụi, khí thải tại khu vực sơn, hàn.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

Có 01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực sơn, hàn.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực sơn, hàn. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2349912, Y = 413725 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^0$ , múi chiếu  $3^0$ )

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.500 m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 30.000 m<sup>3</sup>/ngày (thời gian làm việc 12 giờ/ngày).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 12 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn hiện hành là QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)	QCVN 20:2009/BTNMT	
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	-	Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	-	
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	-	
4	Lưu huỳnh đioxit,	mg/Nm <sup>3</sup>	500	-	

	SO <sub>2</sub>				quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
5	Ni tơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850	-	
6	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	5	
7	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	870	
8	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	750	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực sơn, hàn (Cơ sở bố trí 01 khu vực sơn, hàn) được hút trực tiếp vào 02 đường ống bằng nhựa PVC D250 có chiều dài khoảng 2m về hệ thống xử lý khí thải. Khí thải sau khi xử lý thoát ra ngoài qua ống thoát khí D250, chiều cao 5m, kết cấu tôn mạ kẽm.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải tại khu vực sơn, hàn :  
Khí thải → Đường ống dẫn khí → Tủ lọc chứa lõi lọc sợi than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT)

- Công suất thiết kế: 2.500 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lõi lọc sợi than hoạt tính: 50 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

##### 1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa:

- Luôn dự trữ trong kho của cơ sở đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động sơn, hàn và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại cơ sở, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 06 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

#### 1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại cơ sở, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 5/2024 - 7/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải tại khu vực sơn, hàn công suất 2.500 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực sơn, hàn.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực sơn, hàn	Bụi tổng, CO, NOx, SO <sub>2</sub> , Benzen, Toluen, Xylen	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy 01 mẫu đơn đầu ra tần suất 1 ngày/lần, trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 15/5/2024 - Lần 2: Ngày 16/5/2024 - Lần 3: Ngày 17/5/2024	QCVN 19:2009/BTNMT cột B và QCVN 20:2009/BTNMT

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại nhà xưởng gia công cơ khí của cơ sở.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung** (theo hệ tọa độ VN2000, trục kinh tuyến  $107^0$ , múi chiều  $3^0$ ).

- 01 vị trí tại khu vực đặt máy móc, thiết bị tại nhà xưởng gia công cơ khí của cơ sở. Tọa độ X=2349908; Y= 413723

- 01 vị trí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ X= 2349901; Y= 413733

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Trang bị bảo hộ lao động như nút tai cho công nhân làm việc tại xưởng sản

xuất và lập nội quy hạn chế công nhân nói chuyện trong giờ làm việc để giảm tiếng ồn.

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

<b>STT</b>	<b>Tên CTNH</b>	<b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b>
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	10
2	Dầu tổng hợp thải	30
3	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	50
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	150
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	80
6	Lõi lọc từ hệ thống xử lý khí thải	50
7	Cặn sơn thải	20
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>390</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên gồm:

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b>
1	Nguyên liệu, sản phẩm lỗi hỏng	5000
2	Phế liệu, vụn kim loại từ quá trình sản xuất thải	8000
3	Bao bì nilong, cactong, nhãn mác hỏng, găng tay, giẻ lau thải,...	500
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>13.500</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 10kg/ngày. Ngoài ra phát sinh bùn từ bể tự hoại khoảng 20m<sup>3</sup>/năm, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 268kg/năm tương đương 0,37 m<sup>3</sup>/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 8 thùng chứa bằng nhựa, sắt có nắp đậy dung tích khoảng từ 100 đến 200 lít/thùng.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải: 18 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Xây tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định. Bố trí các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy tại kho chất thải nguy hại gồm: bình chữa cháy, bao cát,... để phòng ngừa ứng phó các sự cố tràn đổ, cháy nổ có thể xảy ra.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất 6 tháng/lần)

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 5 thùng chứa bằng gỗ hoặc sắt dung tích khoảng từ 100 đến 200lít/thùng.

2.2.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải: 30m<sup>2</sup>, trong nhà xưởng gia công cơ khí.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải: Quây tôn và dán biển báo.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định (tần suất 1 tháng/lần).

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí khoảng 5 thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa dung tích khoảng 20 lít/thùng; 2 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 1m<sup>3</sup>/thùng.

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được lưu giữ tại bể chứa bùn thể tích 3,78m<sup>3</sup>, bể xây bằng gạch, bê tông cốt thép, định kỳ 6 tháng/lần đưa đi xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt.

Đối với cặn bùn tại các bể tự hoại định kỳ 6 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn tại bể tự hoại mang đi xử lý theo quy định.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định, tần suất thu gom 3 lần/tuần.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đỗ Kha có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Nội Hoàng, huyện Yên Dũng; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực của cơ sở.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B, QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 167/TTr-TNMT ngày 04/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.